BnF Gallica

Bôn day châu nhung

Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France

BnF Gallica

. Bôn day châu nhung. 1933.

1/ Les contenus accessibles sur le site Gallica sont pour la plupart des reproductions numériques d'oeuvres tombées dans le domaine public provenant des collections de la BnF. Leur réutilisation s'inscrit dans le cadre de la loi n°78-753 du 17 juillet 1978 :
- La réutilisation non commerciale de ces contenus ou dans le cadre d'une publication académique ou scientifique est libre et gratuite dans le respect de la législation en vigueur et notamment du maintien de la mention de source des contenus telle que précisée ci-après : « Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France » ou « Source gallica.bnf.fr / BnF ».
- La réutilisation commerciale de ces contenus est payante et fait l'objet d'une licence. Est entendue par réutilisation commerciale la revente de contenus sous forme de produits élaborés ou de fourniture de service ou toute autre réutilisation des contenus générant directement des revenus : publication vendue (à l'exception des ouvrages académiques ou scientifiques), une exposition, une production audiovisuelle, un service ou un produit payant, un support à vocation promotionnelle etc.

CLIQUER ICI POUR ACCÉDER AUX TARIFS ET À LA LICENCE

2/ Les contenus de Gallica sont la propriété de la BnF au sens de l'article L.2112-1 du code général de la propriété des personnes publiques.

3/ Quelques contenus sont soumis à un régime de réutilisation particulier. Il s'agit :

- des reproductions de documents protégés par un droit d'auteur appartenant à un tiers. Ces documents ne peuvent être réutilisés, sauf dans le cadre de la copie privée, sans l'autorisation préalable du titulaire des droits.
- des reproductions de documents conservés dans les bibliothèques ou autres institutions partenaires. Ceux-ci sont signalés par la mention Source gallica.BnF.fr / Bibliothèque municipale de ... (ou autre partenaire). L'utilisateur est invité à s'informer auprès de ces bibliothèques de leurs conditions de réutilisation.

4/ Gallica constitue une base de données, dont la BnF est le producteur, protégée au sens des articles L341-1 et suivants du code de la propriété intellectuelle.

5/ Les présentes conditions d'utilisation des contenus de Gallica sont régies par la loi française. En cas de réutilisation prévue dans un autre pays, il appartient à chaque utilisateur de vérifier la conformité de son projet avec le droit de ce pays.

6/ L'utilisateur s'engage à respecter les présentes conditions d'utilisation ainsi que la législation en vigueur, notamment en matière de propriété intellectuelle. En cas de non respect de ces dispositions, il est notamment passible d'une amende prévue par la loi du 17 juillet 1978.

7/ Pour obtenir un document de Gallica en haute définition, contacter
utilisation.commerciale@bnf.fr.

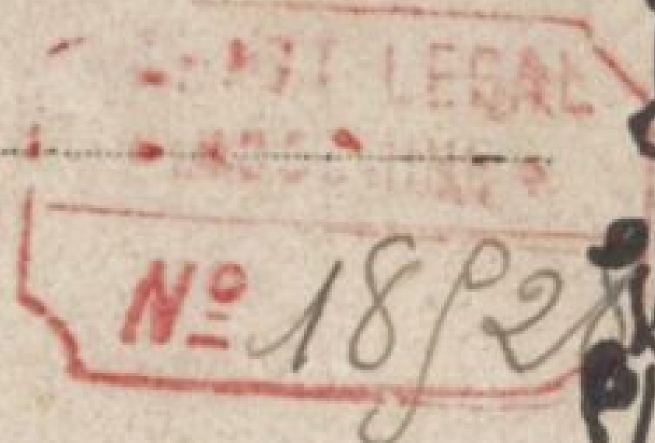
8° pièce
INDO-CHINOIS
2205

Dépôt légal
Tirage : 1000 exemplaires
le 20 mars 1923
Imprimeur R.P. Paul Đạt

ME

ĐỊA PHẬN PHNOM-PENH

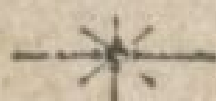




BỔN DẠY

CHÂU NHƯNG

IMPRIMERIE DE LA MISSION
289 rue Paul-Blanchy, 289
Saigon — Tândinh



Cha sở cựu họ Banam, là cha Henri PIANET, đặt ra sách nầy đã 20 năm nay mà giúp kẻ chầu nhưng, bổn đạo mới và con trẻ chưa rước lễ lần đầu. Rày Ta cho sửa lại ít câu và cho in lại.

Ai muốn sắm sách nầy phải đến cha bổn sở mình, còn các cha mua đặng tại nhà giữ việc Địa Phận.

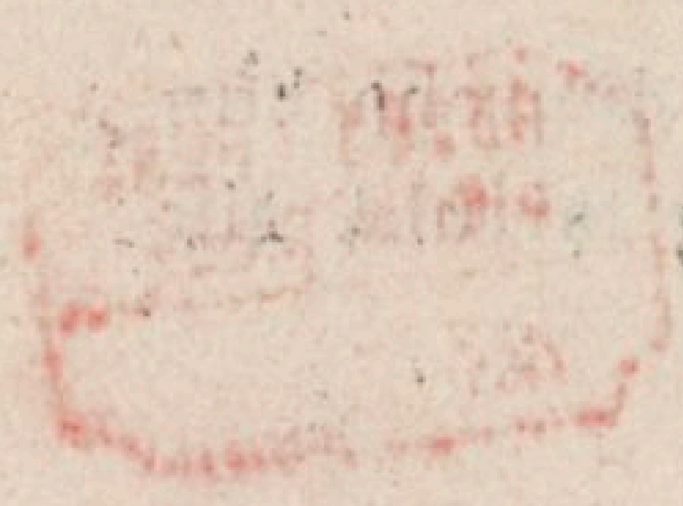
IMPRIMATUR

Phnôm-Pénh die undecima mensis Novembris 1932

✝ V. HERRGOTT

Vic. Ap.

8° pièce
2205



Bổn dạy chầu nhưng

CỦNG KẺ HỌC TẮT.

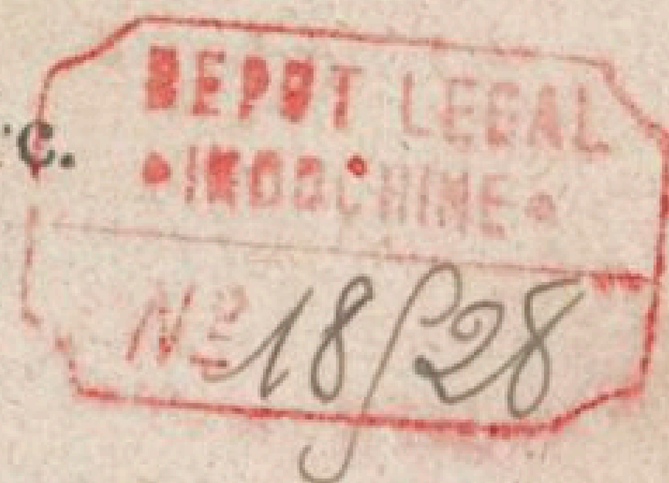
Phần thứ nhứt: Về những sự chầu nhưng cần phải biết về đạo thánh Đ. C. T.

Phần thứ hai : Về phép Rửa tội.

Phần thứ ba : Về phép Mình Thánh Chúa.

Phần thứ bốn : Về phép Giải tội.

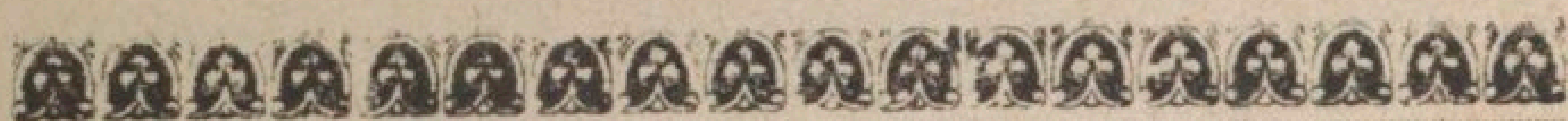
Phần thứ năm : Về phép Thêm Sức.


DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N° 18/28

PHẦN PHỤ THÊM

Lời hỏi sự cần kíp cho con nít vừa tới tuổi khôn đặng xưng tội, chịu phép Thêm Sức và rước lễ lần đầu.





PHẦN THỨ NHỨT

NHỮNG SỰ CHẦU NHƯNG CẦN PHẢI BIẾT VỀ ĐẠO THÁNH Đ. C. T.

I

VỀ MỘT Đ.C.T. BA NGÔI DỰNG NÊN MỌI LOÀI MỌI VẬT.

1. *H.* Đạo nào là đạo chánh?
 T. Đạo chánh là đạo Đ.C.T.
2. *H.* Muốn giữ đạo thánh Chúa chăng?
 T. Tôi muốn.
3. *H.* Vì ý nào muốn giữ đạo thánh Đ.C.T.?
 T. Có ý cho đặng rỗi linh hồn.
4. *H.* Không giữ đạo thánh Chúa có đặng rỗi linh hồn chăng?
 T. Chẳng đặng.
5. *H.* Có mấy Đ.C.T.?
 T. Có một Đ.C.T., mà Người có ba Ngôi: Ngôi thứ nhứt là Cha, Ngôi thứ Hai là Con, Ngôi thứ ba là Thánh Thần.
6. *H.* Ba Ngôi chẳng phải là ba Chúa sao?
 T. Ba Ngôi là một Chúa mà thôi.
7. *H.* Vì sao ba Ngôi là một Chúa mà thôi?
 T. Vì ba Ngôi có một tính như nhau, là tính Đ.C.T.
8. *H.* Có Ngôi nào lớn, Ngôi nào bé chăng?
 T. Ba Ngôi bằng nhau.

9. *H*. Đ.C.T. ở đâu ?

T. Đ. C. T. ở trên trời, dưới đất và khắp mọi nơi.

10. *H*. Đ.C.T. ở khắp mọi nơi, làm sao ta xem chẳng thấy ?

T. Vì Người là tính thiêng liêng, vô hình vô tượng.

11. *H*. Ta không thấy Đ. C. T., mà Người có thấy ta chăng ?

T. Đ.C.T. thông minh sáng láng vô cùng, xem thấy ta tỏ tường.

12. *H*. Đ. C. T. xem thấy sự kín nhiệm trong lòng ta chăng ?

T. Đ.C.T. xem thấy.

13. *H* Đ. C. T. thưởng việc lành phước đức chăng ?

T. Đ. C. T. công bình vô cùng, không bỏ qna sự gì lành mà chẳng thưởng.

14. *H*. Đ.C.T. phạt tội lỗi chăng ?

T. Đ.C.T. công bình vô cùng, không bỏ qua tội nào mà chẳng phạt.

15. *H*. Có ai được phép cãi lịnh Đ.C.T. chăng?

T. Đ.C.T. là Đấng phép tắc vô cùng, nên chẳng ai được phép cãi lịnh Người.

16. *H*. Làm sao Đ. C. T. hay nhịn kẻ nghịch cùng Người ?

T. Vì Đ.C.T. lòng lành vô cùng muốn cho chúng nó có dịp ăn năn trở lại.

17. *H.* Có thuở nào mà chẳng có Đ.C.T. chăng?
T. Đ.C.T. hằng có đời đời.

18. *H.* Làm sao ta biết có Đ.C.T.?
T. Vì Đ. C. T. dựng nên trời đất, nên ta mới biết có Đ.C.T.

19. *H.* Đ.C.T. dựng nên trời đất làm chi?
T. Cho sáng danh Người và cho ta đặng dùng.

20. *H.* Đ.C.T. có xem sóc mọi loài vật Người đã dựng nên chăng?
T. Đ. C. T. lòng lành vô cùng chẳng bỏ vật nào.

21. *H.* Ở trên trời Đ. C. T. có dựng nên loài nào trọng hơn chăng?
T. Có loài Thiên thần.

22. *H.* Các Thiên thần có giúp người ta chăng?
T. Mỗi người có Thiên thần giữ mình luôn, cho nên ta phải tôn kính người lắm.

23. *H.* Mỗi người có Thiên thần giữ mình luôn, làm sao không thấy đấng ấy?
T. Vì người là tính thiêng liêng vô hình vô tượng.

24. *H.* Hết thảy các Thiên thần có giữ nghĩa cùng Chúa chăng?
T. Có một phần phạm tội kiêu ngạo muốn tặng mình lên bằng Đ.C.T., gọi là ma quỉ.

25. *H.* Đ.C.T. phạt ma quỉ thể nào?
T. Đ.C.T. phạt cầm trong hỏa ngục.

26. *H*. Ma quỉ còn nghịch cùng Đ.C.T. chăng?
T. Ma quỉ bị phạt vô cùng, cho nên nó giận ghét Đ.C.T. luôn.

27. *H*. Ma quỉ có nghịch cũng người ta chăng?
T. Ma quỉ cũng giận ghét người ta, nên hay cám dỗ chúng nó.

28. *H*. Làm sao Đ.C.T. để cho ta phải chước ma quỉ?
T. Cho đặng thử lòng ta.

29. *H*. Ma quỉ có ghét kẻ thuận cùng nó chăng?
T. Ma quỉ thương và làm lành cho ai không đặng.

30. *H*. Đ. C. T. có dựng nên loài nào trọng hơn trong thế nầy chăng?
T. Có loài người ta.

31. *H*. Đ.C.T. sanh ta làm chi?
T. Cho đặng thờ phượng kính mến Người, hầu ngày sau hưởng phước đời đời.

32. *H*. Tính người ta là làm sao?
T. Người ta có hồn có xác.

33. *H*. Trong hai phần, phần nào trọng hơn?
T. Linh hồn trọng hơn xác, vì là giống hằng sống chẳng hề chết đặng.

34. *H*. Tổ tông loài người ta là ai?
T. Tổ tông loài người ta là ông Adong bà [Evà.

35. *H*. Ông Adong bà Evà có giữ nghĩa cùng Chúa chăng?
T. Chẳng giữ, vì hai ông bà ăn trái cây Đ.C.T. cấm.

36. *H*. Con cháu ông Adong bà Evà có mắc tội tổ tông chăng?

T. Mắc, có một mình Đức Bà đặng khỏi.

37. *H*. Đ.C.T. phạt tội tổ tông phần linh hồn thế nào?

T. Linh hồn phải tối tăm và mê đàng tội lỗi.

38. *H*. Đ.C.T. phạt tội tổ tông phần xác thế nào?

T. Xác phải khốn cực và phải chết.

39. *H*. Vậy khi mắc sự khốn cực thì phải làm thế nào?

T. Phải có ý đền tội lập công.

40. *H*. Người ta chuộc tội mình đặng chăng?

T. Chẳng đặng, vì tội phạm đến Đấng vô cùng, cho nên phải có Đấng vô cùng cứu chuộc mới đặng.

41. *H*. Người ta mắc mấy giống tội?

T. Mắc hai giống: là tội tổ tông và tội mình làm.

42. *H*. Tội mình làm có mấy thứ?

T. Có hai: là tội trọng và tội nhẹ.

43. *H*. Tội trọng làm hại ta làm sao?

T. Làm cho ta mất nghĩa cùng Chúa, và đáng phạt đời đời.

44. *H*. Tội nhẹ làm hại ta thế nào?

T. Làm cho bớt ơn nghĩa cùng Chúa và đáng phạt tạm.



II

VỀ NGÔI THỨ HAI XUỐNG THẾ LÀM NGƯỜI

45. *H*. Ba Ngôi, Ngôi nào xuống thế làm người chuộc tội thiên hạ ?
T. Ngôi thứ Hai.

46. *H*. Ngôi thứ Hai xuống thế làm người đặt tên là gì ?
T. Đặt tên là Giêsu, nghĩa là cứu thế.

47. *H*. Xuống thế làm người nghĩa là gì ?
T. Nghĩa là Đ. C. Con mặc lấy tính người ta, có hồn có xác hèn hạ như ta.

48. *H*. Ấy vậy Ngôi thứ Hai có mấy tính ?
T. Có hai : một là tính Đ.C.T., hai là tính người ta.

49. *H*. Ngôi thứ Nhứt, Ngôi thứ Ba có mấy tính?
T. Có một tính mà thôi, là tính Đ.C.T.

50. *H*. Làm sao một mình Ngôi thứ Hai có hai tính ?
T. Vì có một Ngôi thứ Hai ra đời mà thôi.

51. *H*. Ngôi thứ Hai có tính Đ.C.T. từ khi nào?
T. Ngôi thứ Hai có tính Đ. C. T. từ thuở đời đời.

52. *H*. Ngôi thứ Hai có tính người ta từ khi nào?
T. Từ khi ra đời là gần hai ngàn năm nay.

58. *H*. Ngôi thứ Hai lấy xác lấy linh hồn ở đâu mà làm người ?
T. Trong lòng rất thánh Đức Bà Maria

54. *H.* Vậy Đức Bà là Mẹ Đ.C.T. sao ?
T. Phải, vì Con Đức Bà là Đ.C.T. thật.
55. *H.* Đức Bà sanh con có mất sự đồng trinh sạch sẽ chăng ?
T. Đức Bà đồng trinh sạch sẽ cho đến trọn đời.
56. *H.* Ông thánh nào làm cha nuôi Đ.C.Giêsu?
T. Ông thánh Giuse.
57. *H.* Trong 30 năm Đ.C.Giêsu ở nhà cha mẹ có làm việc gì ?
T. Người chịu lụy, làm việc theo bực kẻ khó khăn.
58. *H.* Đ. C. Giêsu muốn công danh, của cải, sung sướng, có đặng chăng ?
T. Đ.C.Giêsu phép tắc vô cùng, muốn sự gì cũng đặng.
59. *H.* Vì ý nào Đ C.Giêsu muốn hèn hạ, khó khăn, cực khổ thể ấy ?
T. Có ý lập công đền tội cho thiên hạ.
60. *H.* Đ. C. Giêsu giảng đạo mấy năm ?
T. Đ.C.Giêsu giảng đạo ba năm.
61. *H.* Làm sao ta nhìn biết Đ. C. Giêsu là Đ.C.T. thật ?
T. Vì Đ. C. Giêsu làm trăm ngàn phép lạ làm chứng Người là Đ.C.T.
62. *H.* Đ. C. Giêsu làm đi gì mà cứu chuộc chúng tôi ?
T Đ.C.Giêsu phú mình chịu chết trên cây Thánh Giá.

63. Hãy làm dấu Thánh Giá.
Nhơn danh Cha, và Con, và Thánh Thần. Amen.

64. *H*. Vì ý nào Đ. C. Giêsu muốn chết cách khốn nạn làm vậy?
T. Có ý giục lòng ta kính mến Người.

65. *H*. Đ. C. Giêsu chịu chết ngày nào?
T. Đ.C.Giêsu chịu chết ngày thứ sáu trước lễ Phục Sinh.

66. *H*. Chết đoạn, linh hồn Đ.C.Giêsu đi đâu?
T. Linh hồn Đ.C.Giêsu xuống ngục tổ tông là nơi các thánh phải giam cầm thuở xưa.

67. *H*. Đ.C.Giêsu có sống lại chăng?
T. Chết chẳng đủ ba ngày mà Người sống lại.

68. *H*. Sống lại đoạn, Đ. C. Giêsu ở với các thánh Tông đồ bao lâu?
T. Bốn mươi ngày.

69. *H*. Khỏi bốn mươi ngày ấy, Đ. C. Giêsu đi đâu?
T. Đ.C.Giêsu ngự về trời.

70. *H*. Phần tính Đ.C.T. Đức Chúa Giêsu bây giờ ở đâu?
T. Ở khắp mọi nơi như Ngôi thứ Nhứt Ngôi thứ Ba.

71. *H*. Linh hồn và xác Đ. C. Giêsu bây giờ ở đâu?
T. Ở trên trời và một trật trong phép Thánh Thể.

72. *H.* Đ. C. Giêsu ngự về trời đoạn, ai giảng đạo cho thiên hạ?
T. Các thánh Tông đồ.
73. *H.* Các thánh Tông đồ lấy sức ở đâu mà giảng đạo khắp thế gian?
T. Đ. C. T. Thần hiện xuống soi trí giục lòng các đấng ấy.

III
VỀ BỐN SỰ SAU HẾT.

74. *H.* Đ. C. Giêsu ngự về trời, còn xuống thế nữa chăng?
T. Người còn xuống nữa, mà phán xét kẻ sống và kẻ chết.
75. *H.* Ta phải chịu phán xét mấy lần?
T. Hai lần: riêng và chung.
76. *H.* Khi nào ta phải chịu phán xét riêng?
T. Lúc ta chết linh hồn phải chịu phán xét riêng.
77. *H.* Chịu phán xét về sự gì?
T. Về những việc lành dữ ta đã làm khi còn sống ở đời nầy.
78. *H.* Chịu phán xét rồi linh hồn đi đâu?
T. Hoặc lên thiên đàng, hoặc xuống hỏa ngục, hoặc vào luyện ngục.
79. *H.* Linh hồn nào lên thiên đàng?
T. Linh hồn chẳng hề làm mất lòng Đ.C.T. hay là đã phạt vạ Chúa cho đủ.

80. *H.* Linh hồn nào xuống hỏa ngục ?
T. Linh hồn chưa hề nhìn biết Đ.C.T. hay là mắc tội nặng.

81. *H.* Linh hồn nào vào luyện ngục ?
T. Linh hồn còn mắc tội nhẹ hay là phạt vạ Chúa chưa đủ.

82. *H.* Linh hồn lên thiên đàng đặng phước gì ?
T. Xem thấy mặt Đ.C.T. và được mọi sự vui vẻ chẳng cùng.

83. *H.* Linh hồn xuống hỏa ngục ra làm sao ?
T. Phải chịu hình khổ đời dời kiếp kiếp.

84. *H.* Linh hồn vào luyện ngục ra thể nào ?
T. Phải giam cầm chịu hình phạt cho đến khi đền tội mình cho đủ, rồi lên thiên đàng.

85. *H.* Ta giúp những linh hồn ở luyện ngục đặng chăng ?
T. Đặng, vì các đẳng được nhờ những việc lành ta làm, nhứt là Lễ Misa.

86. *H.* Khi nào phải chịu phán xét chung ?
T. Đến ngày tận thế.

87. *H.* Ta phải chịu phán xét chung phần linh hồn mà thôi sao ?
T. Xác ta sống lại mà đồng chịu phán xét với linh hồn.

88. *H.* Chúa đã phán xét riêng còn phán xét chung nữa làm chi ?
T. Mà tỏ ra cho ai nấy rõ những việc phước đức kẻ lành và các tội lỗi kẻ dữ.

89. *H*. Chúa phán xét chung đoạn, thì người ta đi đâu?

T. Kẻ lành lên thiên đàng mà hưởng phước đời đời; còn kẻ dữ xuống hỏa ngục mà chịu hình khổ vô cùng vô tận.

90. *H*. Vậy xác ta cũng đặng thưởng phạt với linh hồn sao?

T. Phải, vì xác đã thông phần tội phước với linh hồn.

IV

VỀ HỘI THÁNH.

91. *H*. Hội thánh là gì?

T. Là các bổn đạo ở khắp thế gian vâng phục Đức Giáo Tông.

92. *H*. Chính Đấng làm đầu Hội thánh là ai?

T. Là Đ. C. Giêsu.

93. *H*. Ai thay mặt Đ. C. Giêsu ở đời nầy mà làm đầu Hội thánh?

T. Đức Giáo Tông.

94. *H*. Ai thông phần phép với Đức Giáo Tông mà cai trị và dạy dỗ các bổn đạo?

T. Các hàng Giám mục.

95. *H*. Ai giúp Đức Giám mục mà dạy dỗ và coi sóc bổn đạo?

T. Các hàng Linh mục, nhứt là thầy bổn sở.

96. *H*. Khi dạy bổn đạo, Hội thánh lầm đặng chăng?

T. Chẳng đặng, lại chính mình Đức Giáo Tông khi lấy quyền Đ. C. G. mà dạy, cũng khỏi sai lầm.

97. *H.* Ngoài Hội thánh có đặng rỗi linh hồn chăng ?

T. Ai ở ngoài Hội thánh chắc chắn phải mất linh hồn.

98. *H.* Kẻ vào Hội thánh còn đặng mất linh hồn chăng ?

T. Bổn đạo chẳng vưng lời Hội thánh cũng phải mất linh hồn.

99. *H.* Kẻ ở ngoài Hội thánh là ai ?

T. Là kẻ chẳng có chịu phép Rửa tội, kẻ lạc đạo, rối đạo và kẻ phải dứt phép thông công.

100. *H.* Các thánh thông công nghĩa là gì ?

T. Nghĩa là các thánh trên trời, các đẳng đương luyện tội mình và các bổn đạo đang giao chiến ở đời nầy, đều đặng chung cùng những sự lành với nhau.

V

VỀ ƠN Đ.C.T. VÀ CÁC PHÉP BÍ TÍCH.

101. *H.* Ơn Chúa là đi gì ?

T. Là sức thiêng liêng Đ. C. T. ban vì công nghiệp Đ. C. G. cho ta đặng rỗi linh hồn.

102. *H.* Chẳng có ơn Chúa, ta có đặng rỗi linh hồn chăng ?
T. Chẳng có ơn Chúa giúp, thì ta chẳng làm đặng sự gì về phần rỗi.
103. *H.* Ơn Chúa có mấy thứ ?
T. Có hai : là Ơn giúp và Ơn nghĩa.
104. *H.* Ơn giúp là đi gì ?
T. Là ơn soi trí và giục lòng làm sự lành lánh sự dữ.
105. *H.* Ơn nghĩa cùng Chúa là đi gì ?
T. Là ơn làm cho ta đặng Đ.C.T. thương, và đáng hưởng phước đời đời.
106. *H.* Kẻ có ơn nghĩa cùng Chúa là ai ?
T. Là kẻ sạch tội trọng, gọi là kẻ lành.
107. *H.* Đ.C.T. dùng phương thế nào mà ban ơn cho ta ?
T. Dùng các phép Bí tích.
108. *H.* Có mấy phép Bí tích ?
T. Có bảy : thứ nhứt là phép Rửa tội, thứ hai là phép Thêm Sức, thứ ba là phép Minh Thánh Chúa, thứ bốn là phép Giải tội, thứ năm là phép Xức dầu thánh, thứ sáu là phép Truyền chức thánh, thứ bảy là phép Hôn phối.
109 *H.* Phép Rửa tội là đi gì ?
T. Là phép làm cho ta khỏi tội tổ tông.
110. *H.* Phép Thêm Sức là phép nào ?
T. Là phép làm cho ta chịu Đ.C.T. Thần và mọi ơn Người.

111. *H*. Phép nào nuôi linh hồn ta?
T. Phép Mình Thánh Chúa.
112. *H*. Phép nào tha tội cho kẻ có đạo?
T. Phép Giải tội.
113. *H*. Phép nào để giúp kẻ gần chết.
T. Phép Xức dầu thánh.
114. *h*. Phép nào phong chức Hội thánh?
T. Phép Truyền chức thánh.
115. *H*. Kẻ có đạo nhờ phép nào mà cưới vợ lấy chồng?
T. Phép Hôn phối.
116. *H*. Kẻ tự ý mình chịu một phép Bí tích chẳng nên thì phạm tội gì?
T. Phạm sự thánh.

VI

VỀ MƯỜI ĐIỀU RĂN Đ.C.T. CÙNG SÁU ĐIỀU RĂN HỘI THÁNH.

117. Hãy đọc Mười điều răn Đ.C.T.

Thứ nhứt, thờ phượng một Đ.C T. và kính mến Người trên hết mọi sự.
Thứ hai, chớ kêu tên Đ.C.T. vô cớ.
Thứ ba, giữ ngày Chúa nhựt.
Thứ bốn, thảo kính cha mẹ.
Thứ năm, chớ giết người.
Thứ sáu, chớ làm sự dâm dục.
Thứ bảy, chớ lấy của người.

Thứ tám, chớ làm chứng dối.
Thứ chín, chớ muốn vợ chồng người.
Thứ mười, chớ tham của người.

Mười điều răn ấy tóm về hai nầy mà chớ : Trước kính mến một Đ.C.T. trên hết mọi sự, sau lại yêu người như mình ta vậy.

118. *H.* Ai mắc giữ mười điều răn Đ.C.T. ?
T. Mọi người, dầu kẻ ngoại cũng phải giữ.

119. *H.* Vì sao kẻ ngoại cũng mắc giữ luật Đ.C.T. ?
T. Vì là luật tự nhiên Đ.C.T. đã ghi trong lòng mọi người.

120. Hãy đọc sáu điều răn Hội thánh.

Thứ nhứt, xem lễ ngày Chúa nhựt cùng các ngày lễ buộc.
Thứ hai, chớ làm việc xác ngày Chúa nhựt cùng các ngày lễ buộc.
Thứ ba, xưng tội trong một năm ít là một lần.
Thứ bốn, chịu Mình thánh Đ. C G. trong mùa Phục sinh.
Thứ năm, giữ chay những ngày Hội thánh buộc.
Thứ sáu, kiêng thịt ngày thứ sáu cùng những ngày khác Hội thánh dạy.

121. *H.* Ai phải giữ sáu điều răn Hội thánh?
T. Các bổn đạo có tuổi khôn.

122. *H.* Bổn đạo phạm luật Hội thánh có tội chăng?

T. Kẻ giữ đặng mà có ý chẳng giữ thì phạm tội.

VII

VỀ SỰ ĐỌC KINH CẦU NGUYỆN

123. *H.* Cầu nguyện là gì?

T. Là nhắc trí nhắc lòng lên cùng Chúa.

124. *H.* Sự cầu nguyện có phải là cần kíp cho đặng rỗi linh hồn chăng?

T. Phải, vì hễ ta xin ơn, thì Chúa mới ban.

125. *H.* Phải cầu nguyện khi nào?

T. Phải cầu nguyện luôn, nhứt là ban hôm ban mai và ngày Chúa nhựt.

126. *H.* Có kinh nào hiệu nghiệm cùng dễ đọc chăng?

T. Là lần hột.

127. Hãy đọc kinh Lạy Cha.

Lạy Cha chúng tôi ở trên trời, chúng tôi nguyện danh Cha cả sáng, nước Cha trị đến, vưng ý Cha dưới đất bằng trên trời vậy.

Xin Cha cho chúng tôi rày hằng ngày dùng đủ, và tha nợ chúng tôi, như chúng tôi cũng tha kẻ có nợ chúng tôi, lại chớ để chúng tôi sa chước cám dỗ, bèn chữa chúng tôi cho khỏi sự dữ. Amen.

128. Hãy đọc kinh Kính Mầng.

Kính mầng Maria đầy ơn phước, Đức Chúa Trời ở cùng Bà, Bà có phước lạ hơn mọi người nữ, và Giêsu Con lòng Bà gồm phước lạ.

Thánh Maria Đức Mẹ Chúa Trời, cầu cho chúng tôi là kẻ có tội, khi nầy và trong giờ lâm tử. Amen.

129. Hãy đọc kinh Tin kính.

Tôi tin kính Đức Chúa Trời, là Cha phép tắc vô cùng dựng nên trời đất. Tôi tin kính Đức Chúa Giêsu Kirixitô là Con một Đức Chúa Cha cùng là Chúa chúng tôi ; bởi phép Đức Chúa Thánh Thần mà Người xuống thai, sinh bởi Bà Maria Đồng trinh : chịu nạn đời quan Phongxiò Philatò, chịu đóng đinh trên cây thánh Giá, chết và táng xác ; xuống ngục tổ tông, ngày thứ ba bởi trong kẻ chết mà sống lại ; lên trời ngự bên hữu Đức Chúa Cha phép tắc vô cùng ; ngày sau bởi trời lại xuống phán xét kẻ sống và kẻ chết.

Tôi tin kính Đ. C. T. T. Tôi tin có Hội thánh hằng có ở khắp thế nầy, các Thánh thông công. Tôi tin phép tha tội. Tôi tin xác loài người ngày sau sống lại ; tôi tin hằng sống vậy. Amen.

130. Hãy đọc kinh Ăn năn tội.

Lạy Chúa tôi, Chúa là Đấng trọn tốt trọn lành vô cùng, Chúa đã dựng nên tôi và cho Con Chúa ra đời chịu nạn chịu chết vì tôi ; mà tôi đã cả lòng phản nghịch lỗi nghĩa cùng Chúa, thì tôi lo buồn đau đớn cùng chê ghét mọi tội tôi trên hết mọi sự ; tôi dốc lòng chừa cải, và nhờ ơn Chúa thì tôi sẽ lánh xa dịp tội cùng làm việc đền tội cho xứng. Amen.

131. Hãy đọc ba kinh Tin, Cậy, Kính mến.

Kinh Tin.

Lạy Chúa tôi, tôi tin thật có một Đức Chúa Trời, là Đấng thưởng phạt vô cùng. Tôi lại tin thật Đức Chúa Trời có Ba Ngôi, mà Ngôi thứ Hai đã xuống thế làm Người chịu nạn, chịu chết mà chuộc tội cho thiên hạ. Bấy nhiêu đều ấy cùng các đều Hội thánh dạy, thì tôi tin vững vàng, vì Chúa là Đấng thông minh và chơn thật vô cùng đã phán truyền cho Hội thánh. Amen.

Kinh Cậy.

Lạy Chúa tôi, tôi trông cậy vững vàng, vì công nghiệp Đức Chúa Giêsu, thì Chúa sẽ ban ơn cho tôi giữ đạo

nên ở đời nầy, cho ngày sau đặng lên thiên đàng xem thấy mặt Đức Chúa Trời hưởng phước đời đời, vì Chúa là Đấng phép tắc và lòng lành vô cùng đã phán hứa sự ấy chẳng có lẽ nào sai đặng. Amen.

Kinh Kính mến.

Lạy Chúa tôi, tôi kính mến Chúa hết lòng hết sức trên hết mọi sự, vì Chúa là Đấng trọn tốt trọn lành vô cùng; lại vì Chúa thì tôi thương yêu người ta như mình tôi vậy. Amen.

132. *H.* Còn kinh nào bổn đạo quen đọc nhiều khi chăng?

T. Kinh Cáo mình, Lạy Nữ Vương, Cám ơn, Đức thánh Thiên Thần và kinh Truyền tin.



PHẦN THỨ HAI

VỀ PHÉP RỬA TỘI.

---

133. *H.* Phép Rửa tội là đi gì ?
T. Là phép làm cho ta khỏi tội tổ tông.

134. *H.* Phép Rửa tội có tha tội mình làm chăng?
T. Cũng tha một lượt với tội tổ tông.

135. *H.* Có mắc xưng trong tòa các tội đã phạm trước khi chịu phép Rửa tội chăng ?
T. Chẳng mắc.

136. *H.* Phải ăn năn tội ấy chăng ?
T. Phải, vì Đ.C.T. không tha tội cho kẻ chẳng ăn năn.

137. *H.* Có mắc đền tội ấy chăng ?
T. Chẳng mắc, cho nên kẻ vừa chịu phép Rửa tội rồi mà chết, thì liền lên thiên đàng.

138. *H.* Còn đều gì cần kíp nữa cho kẻ tuổi khôn đặng chịu phép Rửa tội nên ?
T. Phải tin và biết sự cần phải thuộc về đạo thánh.

139. *H.* Khi chẳng chịu phép Rửa tội, có đặng rỗi linh hồn chăng ?
T. Chẳng đặng.

140. *H.* Muốn chịu phép Rửa tội mà chẳng đặng, thì có cách nào thế lại chăng ?
T. Cả lòng yêu mến Chúa hay là chịu tử vì đạo.

141. *H.* Có nên chịu phép Rửa tội nhiều lần chăng?
T. Chẳng nên, vì phép ấy in dấu thiêng liêng vào linh hồn chẳng hay mất.

142. *H.* Dấu ấy là làm sao?
T. Là dấu nhận ta làm con Đ.C.T. cùng con Hội thánh.

143. *H.* Ai đặng làm phép Rửa tội?
T. Các hàng linh mục, song khi thế gấp thì mọi người làm cũng đặng.

144. *H.* Phải dùng đi gì mà làm phép Rửa tội?
T. Phải dùng nước lã.

145. *H.* Phải giọi nước nơi nào?
T. Phải giọi trên đầu.

146. *H.* Phải đọc lời gì khi giọi nước?
T. Phải đọc lời nầy rằng: Tao rửa mầy, nhơn danh ✝ Cha, và ✝ Con, và Thánh ✝ Thần.

147. *H.* Khi chịu phép Rửa tội, thì từ bỏ sự gì?
T. Từ bỏ ma quỉ, mọi việc ma quỉ và mọi sự trọng thể ma quỉ.

148. *H.* Khi chịu phép Rửa tội, thì hứa sự gì?
T. Hứa chọn Đ. C. Giêsu làm quan thầy mình cho đến trọn đời.

149. *H.* Phải chọn người nào làm vú bỗ đỡ đầu?
T. Phải chọn người giữ đạo nên.

150. *H.* Sự gì gọi là các phép Rửa tội?
T. Là những lễ phép Hội thánh dùng khi rửa tội trọng thể.

PHẦN THỨ BA

VỀ PHÉP MÌNH THÁNH CHÚA.

I

NÓI CHUNG VỀ PHÉP MÌNH THÁNH CHÚA.

151. *H.* Trong các phép Bí tích, phép nào trọng hơn?

T. Phép Mình Thánh Chúa, cũng gọi là phép Thánh Thể.

152. *H.* Vì sao phép Thánh Thể là trọng hơn các phép Bí tích khác.

T. Vì trong phép ấy có Đ. C. Giêsu là Đấng cội rễ các phép Bí tích khác.

153. *H.* Mình Thánh Chúa ngự trong phép Thánh Thể lăm sao?

T. Mình Thánh Chúa là Đ. C. Giêsu ngự trong phép Thánh Thể y như xưa khi Chúa sống ở đời nầy.

154. *H.* Vì lẽ nào xưa người ta thấy Mình Thánh Chúa, mà bây giờ chẳng thấy?

T. Vì rày Đ.C.Giêsu ẩn mình trong hình bánh rượu.

155. *H.* Vì ý nào Đ. C. Giêsu ẩn mình trong hình bánh rượu?

T. Có ý cho ta nhờ Người nên lương thực và thêm công cho ta vì ta tin sự chẳng thấy.

156. *H.* Thầy cả làm đi gì cho bánh rượu trở nên Mình Thánh Máu Thánh Đ.C.G.?
T. Thầy cả đọc lời Chúa truyền: Nầy là Mình Tao; Nầy là Máu Tao.

157. *H.* Đọc lời ấy rồi, bánh rượu ra làm sao?
T. Bánh rượu chẳng còn, vì đã trở nên Mình Thánh Chúa.

158. *H.* Làm sao còn thấy bánh rượu?
T. Thấy hình và màu sắc mà thôi, song chẳng còn là bánh rượu thật.

159. *H.* Trong hình rượu, có Máu Thánh mà thôi sao?
T. Trong hình rượu có trót Mình Thánh Chúa, cũng như trong hình bánh vậy.

160. *H.* Khi chia bánh làm hai, có rẽ phân Mình Thánh Chúa ra chăng?
T. Trong mỗi một phần đều có trót Mình Thánh Chúa.

161. *H.* Khi Đ. C. Giêsu ngự trên bàn thờ, Người còn ở trên trời chăng?
T. Người ở trên trời, và một trật Người ở mọi nơi có thầy cả làm lễ.

162. *H.* Đ.C. Giêsu lập phép Thánh Thể làm chi?
T. Mà nên của lễ tế, mà nhắc sự thương khó Người và nên lương thực nuôi linh hồn ta.



II

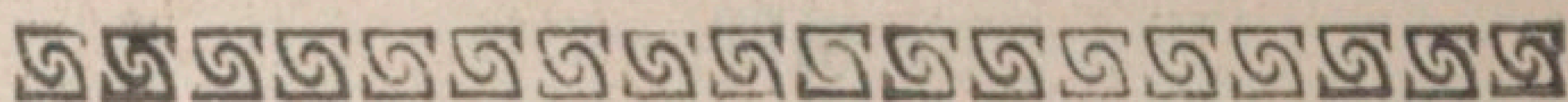
VỀ SỰ RƯỚC LỄ.

163. *H.* Rước lễ là đi gì? [rượu.
T. Là rước Đ. C. Giêsu trong hình bánh
164. *H.* Muốn rước lễ phải có lòng thế nào?
T. Phải có lòng sạch tội trọng.
165. *H.* Kẻ rước lễ khi còn mắc tội trọng, có rước Minh Thánh Chúa thật chăng?
T. Rước thật, song le kẻ ấy rước hình phạt cho mình.
166. *H.* Phải dọn xác thể nào?
T. Phải giữ lòng chay sạch từ nửa đêm cho đến khi chịu lễ.
167. *H.* Khi vô rước lễ phải ăn ở làm sao?
T. Phải ăn mặc sạch sẽ và rước lễ cho nghiêm trang đạo đức.
168. *H.* Rước lễ đoạn, phải làm đi gì?
T. Phải ở lại mà cám ơn và ngày ấy năng nhớ đi nhớ lại.
169. *H.* Kẻ rước lễ nên đặng ích gì?
T. Đặng sức mạnh mà hãm dẹp tình tư dục, và dễ làm việc lành tránh tội lỗi.
170. *H.* Phải năng rước lễ chăng?
T. Phải, vì Đ.C.Giêsu và Hội thánh ước ao cho ta dọn mình rước lễ hằng ngày.
171. *H.* Bỏ rước lễ có tội chăng?
T. Khi chẳng rước lễ mùa Phục sinh và khi gần chết, thì có tội trọng.

172. *H.* Tuổi nào con nít phải rước lễ lần đầu?
T. Khi khôn đủ mà xưng tội, thì cũng khôn đủ mà rước lễ; song nó phải biết những đều đại cái trong đạo thánh.

III
VỀ LỄ MISA.

173. *H.* Mình Thánh Chúa là phép Bí tích mà thôi sao?
T. Mình Thánh Chúa cũng là của tế lễ gọi là lễ Misa.
174. *H.* Vì sao Mình Thánh Chúa là của tế lễ?
T. Vì trong lễ Misa Đ.C.Giêsu tế lễ mình như xưa trên cây Thánh Giá.
175. *H.* Trong Hội thánh có ý gì mà dưng lễ Misa?
T. Có ý thờ phượng, đội ơn, phạt tạ và ăn mày ơn Đ.C.T.
176. *H.* Ai đặng nhờ công ơn bởi lễ Misa mà ra?
T. Kẻ sống và kẻ chết đều đặng nhờ.
177. *H.* Ta phải năng xem lễ chăng?
T. Phải, vì chẳng có sự gì đẹp lòng Chúa cho bằng xem lễ, và lại đặng ích nhiều hơn.
178. *H.* Phải xem lễ thể nào?
T. Phải nết na bề ngoài, cùng sốt sắng bề trong mà hiệp cùng Thầy cả.
179. *H.* Hội thánh buộc các bổn đạo phải xem lễ khi nào? [buộc.
T. Các ngày Chúa nhựt và các ngày Lễ



PHẦN THỨ BỐN

VỀ PHÉP GIẢI TỘI.

I

NÓI CHUNG VỀ PHÉP GIẢI TỘI.

180. *H.* Rửa tội rồi, nếu khi sau phạm tội mình làm, thì còn phép nào mà tha chăng?

T. Còn phép Giải tội.

181. *H.* Phép Giải tội có cần kíp cho đặng rỗi linh hồn chăng?

T. Cần cho kẻ phạm tội trọng từ khi rửa tội về sau.

182. *H.* Phép Giải tội có mấy phần?

T. Có ba phần, là ăn năn tội, xưng tội và đền tội.

II

VỀ SỰ ĂN NĂN TỘI VÀ DỐC LÒNG CHỪA.

183. *H.* Ăn năn tội là gì?

T. Là lo buồn đau đớn vì đã làm mất lòng Chúa.

184. *H.* Ăn năn tội có phải là cần kíp chăng?

T. Ăn năn tội là rất cần kíp, vì không ăn năn thì chẳng đặng khỏi tội bao giờ.

185. *H.* Ăn năn tội có mấy cách?

T. Có hai: là ăn năn tội vì Chúa và ăn năn tội vì mình.

186. *H.* Ăn năn tội vì Chúa là làm sao?
T. Là ăn năn bởi lòng kính mến Chúa, nghĩa là sợ mất lòng Chúa rất nhơn từ và tốt lành vô cùng.

187. *H.* Kẻ ăn năn tội vì Chúa được ích gì?
T. Được khỏi tội tức thì.

188. *H.* Vì sao kẻ ăn năn tội vì Chúa được khỏi tội tức thì?
T. Vì đức kính mến và tội trọng là hai giống nghịch nhau ở không được một lượt trong lòng ta.

189. *H.* Ấy vậy khi ăn năn tội vì Chúa thì khỏi xưng tội sao?
T. Phải có ý xưng, và hễ có dịp thì phải xưng.

190. *H.* Khi rủi phải chết mà xưng tội chẳng kịp, thì phải ăn năn tội cách nào?
T. Phải ăn năn tội vì Chúa.

191. *H.* Ăn năn tội vì mình là làm sao?
T. Là ăn năn vì sợ Đ.C.T. phạt, cho nên gọi là ăn năn tội vì mình.

192. *H.* Kẻ ăn năn tội vì mình được khỏi tội khi nào?
T. Khi chịu phép Giải tội.

193. *H.* Ăn năn tội nên có mấy ý?
T. Có bốn.

194. *H.* Ý thứ nhứt là làm sao?
T. Là ăn năn trong lòng, chẳng phải bề ngoài mà thôi.

195. *H.* Ý thứ hai là làm sao?
T. Là vịn đức tin mà ăn năn, dừng theo xác thịt.

196. *H.* Ý thứ ba là làm sao?
T. Là ghét tội trọng trên hết mọi sự dữ.

197. *H.* Ý thứ bốn là làm sao?
T. Là ghét tội trọng chẳng trừ tội nào.

198. *H.* Dốc lòng chừa là đi gì?
T. Là chí quyết vững vàng lánh tội và dùng phương thế cho khỏi.

199. *H.* Không dốc lòng chừa có ăn năn tội thật chăng?
T. Không, vì ăn năn và dốc lòng chừa lìa nhau chẳng đặng.

200. *H.* Bởi sức riêng, có đặng ăn năn tội cùng dốc lòng chừa chăng?
T. Chẳng đặng, phải cậy sức Chúa, thì mới đặng.

III

VỀ SỰ XÉT MÌNH VÀ XƯNG TỘI.

201. *H.* Phải làm đi gì cho biết tội mình mà xưng?
T. Phải xét mình.

202. *H.* Lấy ở đâu mà xét mình.
T. Mười điều răn Đ. C. T., sáu điều răn Hội thánh, bảy mối tội đầu và việc bổn phận mình.

203. *H*. Vào tòa, phải xin dấu lành với thầy cả thể nào ?
T. Phải nói rằng : " Lạy Cha, con là kẻ có tội, xin cha làm phép lành cho con." — Rồi đọc kinh "Cáo mình" cho đến lời " Lỗi tại tôi."

204. *H*. Đoạn phải thưa đều gì với thầy cả ?
T. Phải thưa : xưng tội đã bao lâu, và có làm việc đền tội rồi chưa.

205. *H*. Phải xưng tội cách nào ?
T. Cách khiêm nhượng và thật thà, chẳng thêm bớt đều gì.

206. *H*. Nếu giấu tội trọng nào thì làm sao ?
T. Thì chẳng khỏi tội nào hết, lại phạm sự thánh.

207. *H*. Mắc xưng tội nhẹ chăng ?
T. Chẳng mắc, song xưng thì có ích.

208. *H*. Có phải xưng mình đã phạm mỗi một tội trọng là mấy lần chăng ?
T. Phải xưng.

209. *H*. Phải xét mình làm sao cho biết số tội nặng mình thường phạm, hay là khi đã lâu tháng, lâu năm chẳng có đi xưng tội ?
T. Phải xét theo tháng, theo tuần, phạm ước chừng mấy lần.

210. *H*. Xưng tội mà sót tội trọng thì làm sao ?
T. Quên thật thì cũng khỏi ; song hễ nhớ chừng nào thì phải xưng chừng nấy.

211. *H*. Nếu lấy làm khó mà xưng tội nào, thì phải làm sao?

T. Phải xưng tội ấy trước hết.

212. *H*. Tội nào gọi là khó xưng?

T. Thường là tội mình lén lúc mà phạm, như dâm dục, ăn cắp vân vân.

213. *H*. Xưng tội ấy chẳng phải xấu hổ sao?

T. Xưng chẳng là xấu hổ, song là khiêm nhượng và có ích.

214. *H*. Thầy cả chẳng chê kẻ xưng tội như vậy sao?

T. Chẳng chê, một lấy đó mà càng kính và yêu chuộng người ngay thật.

215. *H*. Thầy cả có phép tỏ cùng ai đều gì bởi tòa giải tội chăng?

T. Chẳng có phép, lại xưa nay sự ấy chưa hề xảy đến.

216. *H*. Vậy có lẽ nào mà phải run sợ khi đi xưng tội chăng?

T. Chẳng có lẽ nào hết, cho nên hễ giấu tội thì là dại mà chớ.

217. *H*. Nếu bấy lâu nay không xưng tội nên, thì phải làm thể nào?

T. Phải xưng tội bao đồng, từ khi có trí khôn hay là từ khi chịu phép giải tội nên.

218. *H*. Xưng tội rồi còn phải làm đi gì trong tòa?

T. Phải nói rằng ; “Lạy cha, con cáo mình con về những tội nầy cùng các tội khác, tội quên, tội sót, phạm trót đời con, xin Chúa thứ tha, ví bằng có đẹp lòng cha, xin cha làm phước giải tội cho con.” — Rồi đọc lời “Lỗi tại tôi” cho đến cùng.

219. *H*. Đọc kinh ấy đoạn, phải làm sao ?

T. Phải nghe lời Thầy dạy mình và đặt việc đền tội gì

220. *H*. Đang khi Thầy cả giải tội thì phải làm đi gì ?

T. Phải cúi đầu và đọc kinh Ăn năn tội.

221. *H*. Phải xưng tội bao nhiều lần, mà giữ đạo cho xứng ?

T. Phải xưng tội nhiều khi trong năm ; lại khi rủi mà phạm tội trọng thì đừng để lâu ngày.

222. *H*. Bỏ xưng tội lâu, có phạm tội nặng chăng ?

T. Bỏ một năm trọn, thì có tội nặng.

IV

VỀ ÁN GIẢI TỘI VÀ VIỆC ĐỀN TỘI.

223. *H*. Thầy cả có đặng giải tội cho mọi người xưng tội cùng mình chăng?

T. Chẳng đặng, có khi phải giam, kẻo họ phạm sự thánh chăng.

224. *H.* Phải giam ai ?

T. Kẻ không biết những sự đại cái đạo thánh và kẻ chẳng sẵn lòng chừa tội.

225. *H.* Đền tội là làm sao ?

T. Là những việc thầy giải tội đặt mà phạt tạ Chúa vì tội.

226. *H.* Vì sao thầy giải tội đặt việc đền tội ?

T. Vì phép giải tội tha phần phạt đời đời mà thôi, còn lại phần phạt tạm nữa.

227. *H.* Có nên lấy ý riêng mà đổi việc đền tội chăng ?

T. Chẳng nên, có một mình thầy giải tội đổi đặng.

228. *H.* Việc đền tội thầy dạy phải làm, có đủ mà phạt tạ Chúa cho trọn chăng ?

T. Chẳng đủ, cho nên đừng tiếc công mà thêm việc lành phước đức.

229. *H.* Đền tội có mấy thể ?

T. Có ba : là hãm mình, bố thí và đọc kinh.

230. *H.* Đã phạt tạ Chúa đoạn, còn mắc phạt vạ người ta chăng ?

T. Hễ có mất lòng ai, làm gương xấu hay là làm thiệt hại, thì cũng phải đền nữa.

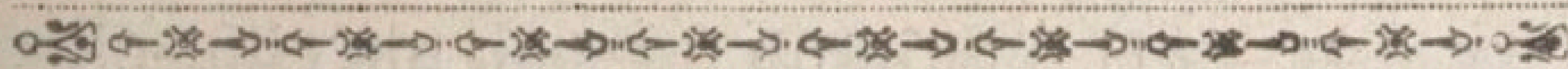
231. *H.* Ngoài phép Giải tội, có ơn nào mà tha phần phạt tạm chăng?

T. Có Ân xá.

232. *H*. Ân xá tha phần phạt tạm bao nhiêu ?
T. Đại xá tha hết ; Tiểu xá tha từ phần mà thôi.

233. *H*. Cho đặng nhờ Ân xá phải có sự gì ?
T. Phải có ý muốn ít nữa là cách thầm, phải có ơn nghĩa cùng Chúa và phải làm mọi việc Hội thánh dạy.

234. *H*. Toàn xá là gì ?
T. Là Đại xá trọng hơn Đ. G. Tông ban một hai khi cho bổn đạo khắp thế gian.



PHẦN THỨ NĂM

VỀ PHÉP THÊM SỨC

235. *H*. Phép Thêm sức là phép nào ?
T. Là phép làm cho ta chịu Đ.C.T.Thần và bảy ơn Người.

236. *H*. Bảy ơn Đ.C.T.Thần là ơn nào ?
T. Một là ơn Khôn ngoan, hai là ơn Thông minh sáng láng, ba là ơn Biết lo liệu, bốn là ơn Sức mạnh, năm là ơn Hay suy biết, sáu là ơn Nhơn đức, bảy là ơn Kính sợ Đ.C.T.

237. *H*. Kẻ chịu phép Thêm sức được ích gì ?
T. Được mạnh đạo.

238. *H*. Đặng chịu phép Thêm sức mấy lần?
T. Đặng chịu một lần mà thôi, vì phép ấy in dấu thiêng liêng vào linh hồn chẳng hay mất.

239. *H*. Bao giờ phải chịu phép Thêm sức?
T. Từ tuổi khôn sấp lên, càng sớm thì càng tốt.

240. *H*. Phải thuộc biết những sự gì cho đặng chịu phép Thêm sức.
T. Đều đại cái về đạo thánh và phép Thêm sức.

241. *H*. Phải dọn mình thể nào mà chịu phép Thêm sức?
T. Phải sạch tội trọng.

242. *H*. Rủi ai mắc tội trọng và chịu phép Thêm sức thì làm sao?
T. Không được Chúa Thánh Thần, không được bảy ơn, song được dấu thiêng liêng và mắc tội phạm sự thánh.

243. *H*. Vậy khi sau kẻ ấy phải làm đi gì?
T. Phải ăn năn cùng xưng tội nên.

244. *H*. Ai đặng làm phép Thêm sức?
T. Các hàng Giám mục.

245. *H*. Giám mục dùng đi gì mà ban phép Thêm sức.
T. Dùng dầu thánh.

246. *H*. Dầu trong phép Thêm sức chỉ sự gì?
T. Chỉ ơn Đ.C.T.Thần tràn ra trong linh hồn và thêm sức cũng như dầu vậy.

247. *H.* Thuốc thơm pha vào dầu thánh chỉ sự gì ?

T. Chỉ kẻ chịu phép Thêm sức phải làm việc lành cho thơm danh Chúa.

248. *H.* Vì sao Đức Giám mục xức dầu nơi trán ?

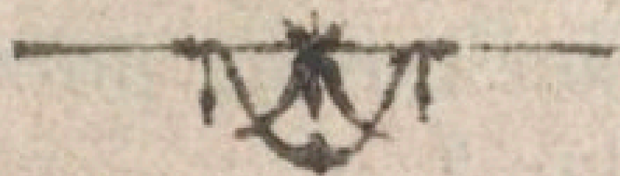
T. Có ý dạy ta chớ khá hổ ngươi xưng đạo thánh Chúa trước mặt thiên hạ.

249. *H.* Vì ý nào Đức Giám mục vả mặt kẻ chịu phép Thêm sức ?

T. Cho ta biết phải sẵn lòng chịu mọi sự khó và mọi sự sỉ nhục vì Chúa Kirixitô.

250. *H.* Kẻ chẳng chịu phép Thêm sức có đặng rỗi linh hồn chăng ?

T. Đặng, song hễ ai tự ý mình bỏ thì có tội nặng.



PHẦN PHỤ THÊM

LỜI HỎI SỰ CẦN KÍP.

Cho con nít vừa tới tuổi khôn đặng xưng tội, chịu phép Thêm sức và rước lễ lần đầu.

I

SỰ CẦN PHẢI BIẾT VỀ ĐẠO.

1. Con hãy làm dấu Thánh Giá.
Nhơn danh Cha, và Con, và Thánh Thần. Amen.

2. *H.* Ai sanh ra ta?
T. Đ.C.T. sinh ra ta.

3. *H.* Đ.C.T. sanh ta làm sao?
T. Đ. C. T. ban cho ta xác hay chết và linh hồn là giống hằng sống, chẳng hề chết đặng.

4. *H.* Đ.C.T. sinh ta làm chi?
T. Cho đặng thờ phượng kính mến Người, hầu ngày sau hưởng phước đời đời.

5. *H.* Đ.C.T. ở đâu?
T. Đ.C.T. ở trên trời, dưới đất và khắp mọi nơi.

6. *H.* Có mấy Đ.C.T.?
T. Có một Đ.C.T. mà thôi.

7. *H.* Đ.C.T. có mấy Ngôi?
T. Có ba Ngôi.

8. *H.* Ba Ngôi có tên gì ?
T. Ba Ngôi tên là Cha, Con, Thánh Thần.

9. *H.* Có Ngôi nào lớn, Ngôi nào bé chăng ?
T. Ba Ngôi bằng nhau.

10. *H.* Ba Ngôi làm ba Chúa hay là một Chúa mà thôi sao ?
T. Ba Ngôi là một Chúa mà thôi.

11. *H.* Trong ba Ngôi, Ngôi nào xuống thế làm người ?
T. Ngôi thứ Hai xuống thế làm người.

12. *H.* Ngôi thứ Hai xuống thế làm người đặt tên là gì ?
T. Đặt tên là Giêsu, nghĩa là Cứu thế.

13. *H.* Đ. C. Giêsu lấy xác hồn ở đâu mà làm người ?
T. Trong lòng rất thánh Đức Bà Maria trọn đời đồng trinh.

14. *H.* Vì ý nào Đ. C. Giêsu xuống thế làm người ?
T. Mà chuộc tội cho cả và loài người ta.

15. *H.* Đ. C. Giêsu làm đi gì mà chuộc tội người ta ?
T. Đ.C.Giêsu chịu nạn chịu chết trên cây Thánh Giá.

16. *H.* Tội người ta có mấy giống ?
T. Có hai : là tội tổ tông và tội mình làm.

17. *H.* Tội mình làm có mấy thể ?
T. Có hai : là tội trọng và tội nhẹ.

18. *H*. Chết mà chẳng mắc tội nào thì linh hồn đi đâu ?
T. Lên thiên đàng ở cùng Chúa vui vẻ vô cùng.

19. *H*. Chết mà có tội trọng linh hồn đi đâu ?
T. Xuống hỏa ngục chịu hình khổ đời đời.

20. Hãy đọc năm sự cần kíp.
» » kinh Lạy Cha.
» » kinh Kính mừng.
» » kinh Tin kính.
» » kinh Ăn năn tội.
» » Tin, Cậy, Kính mến.

II

SỰ CẦN KÍP VỀ PHÉP GIẢI TỘI.

21. *H*. Có mấy phép Bí tích ?
T. Có bảy phép Bí tích :
Thứ nhứt, là phép Rửa tội.
Thứ hai, là phép Thêm sức.
Thứ ba, là phép Mình Thánh Chúa.
Thứ bốn, là phép Giải tội.
Thứ năm, là phép Xức dầu thánh.
Thứ sáu, là phép Truyền chức thánh.
Thứ bảy, là phép Hôn phối.

22. *H*. Phép nào tha tội tổ tông ?
T. Phép Rửa tội.

23. *H*. Phép nào tha tội mình làm ?
T. Phép Giải tội.

24. *H.* Phải làm đi gì mà chịu phép Giải tội nên ?
T. Phải ăn năn tội, xưng tội và đền tội.

25. *H.* Phải làm đi gì mà ăn năn tội ?
T. Phải ghét tội đã phạm và dốc lòng chừa, đừng phạm nữa.

26. *H.* Phải xưng tội làm sao ?
T. Phải xưng ra các tội trọng với thầy cả, chẳng giấu tội nào.

27. *H.* Phải làm đi gì mà đền tội ?
T. Phải làm mọi sự thầy giải tội dạy làm.

28. *H.* Ăn năn tội bởi lòng kính mến Chúa là ăn năn tội cách nào ?
T. Cách trọn, cũng gọi là ăn năn tội vì Chúa.

29. *H.* Ăn năn tội bởi lòng sợ Chúa phạt trong hỏa ngục, là ăn năn tội cách nào ?
T. Cách chẳng trọn, cũng gọi là ăn năn tội vì mình.

30. *H.* Phải có những ý gì khi ăn năn tội ?
T. Phải cứ đức tin mà lấy lòng ghét tội trên hết mọi sự ghét.

III
SỰ CẦN KÍP VỀ PHÉP THÊM SỨC.

31. *H.* Phép Thêm sức là phép nào ?
T. Là phép làm cho ta chịu Đ.C.T.Thần và bảy ơn Người.

32. *H.* Bảy ơn Đ.C.T.Thần là ơn nào ?

T. Một là ơn Khôn ngoan, hai là ơn Thông minh sáng láng, ba là ơn Biết lo liệu, bốn là ơn Sức mạnh, năm là ơn Hay suy biết, sáu là ơn Nhơn đức, bảy là ơn Kính sợ Đ.C.T.

33. *H.* Kẻ chịu phép Thêm sức đặng ích gì ?

T. Được mạnh đạo.

34. *H.* Đặng chịu phép Thêm sức mấy lần ?

T. Đặng chịu một lần mà thôi, vì phép ấy in dấu thiêng liêng vào linh hồn chẳng hay mất.

35. *H.* Phải dọn mình thể nào mà chịu phép Thêm sức.

T. Phải sạch tội trọng.

36. *H.* Rủi ai mắc tội trọng và chịu phép Thêm sức thì làm sao ?

T. Không được Chúa Thánh Thần, không được bảy ơn, song được dấu thiêng liêng và mắc tội phạm sự thánh.

37. *H.* Vậy khi sau kẻ ấy phải làm đi gì ?

T. Phải ăn năn cùng xưng tội nên.

IV

SỰ CẦN KÍP VỀ PHÉP MÌNH THÁNH CHÚA.

38. *H.* Phép nào nuôi linh hồn ta ?

T. Phép Mình thánh Chúa.

39. *H.* Khi chịu phép Mình thánh Chúa thì rước ai vào lòng ta ?

T. Rước Đ.C.Giêsu là Chúa chúng tôi có linh hồn và xác như ta.

40. *H.* Đ.C.Giêsu có xác như ta, làm sao khi rước lễ không thấy Người?

T. Vì Đ.C.Giêsu ẩn mình trong hình bánh rượu.

41. *H.* Vì ý nào Đ. C. Giêsu ẩn mình trong hình bánh rượu?

T. Có ý cho ta nhờ Người nên lương thực và thêm công cho ta, vì ta tin sự chẳng thấy.

42. *H.* Kẻ rước lễ nên dặng ích gì?

T. Đặng sức mạnh mà hãm dẹp tình tư dục và dễ làm việc lành tránh tội lỗi.

43. *H.* Phải dọn linh hồn thể nào, mà rước lễ nên?

T. Phải sạch tội trọng.

44. *H.* Ai còn mắc tội trọng mà cả lòng chịu lễ, thì phạm tội gì?

T. Phạm sự thánh.

45. *H.* Phải dọn xác thể nào?

T. Phải ăn mặc sạch sẽ, lại từ nửa đêm chẳng nên ăn uống trước khi chịu lễ.

46. *H.* Rước lễ có phải là sự cần kíp chăng?

T. Là cần kíp cho kẻ khôn lớn, vì nhờ phép Thánh Thể thì mới được rỗi linh hồn.

CHUNG